

Số: 663/QĐ-TCTHADS

Hà Nội, ngày 29 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố công khai dự toán điều chỉnh, bổ sung ngân sách năm 2024 của Tổng cục Thi hành án dân sự

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC;

Căn cứ Quyết định số 3039/QĐ-BTP ngày 28 tháng 12 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2024 cho các đơn vị dự toán thuộc Bộ; Công văn số 6512/BTP-KHTC ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Bộ Tư pháp về việc thông báo chi tiết dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 662/QĐ-TCTHADS ngày 29 tháng 5 năm 2024 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự về việc giao điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách nhà nước năm 2024;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính, Tổng cục Thi hành án dân sự.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu điều chỉnh, bổ sung dự toán ngân sách năm 2024 của Tổng cục Thi hành án dân sự (theo Phụ lục đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính Tổng cục Thi hành án dân sự và các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Thứ trưởng Mai Lương Khôi (để b/c);
- Tổng Cục trưởng (để b/c);
- Cục Kế hoạch - Tài chính (để p/h);
- Cổng thông tin điện tử Tổng cục THADS (để đăng tải thông tin);
- Lưu: VT, Vụ KHTC.

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG



Trần Thị Phương Hoa

DỰ TOÁN THU - CHI NGÂN SÁCH ĐƯỢC GIAO VÀ PHÂN BỐ CHO CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC NĂM 2024
(Kèm theo Quyết định số 663/QĐ-TCTHADS ngày 29/5/2024 của Tổng Cục trưởng Tổng cục Thi hành án dân sự)

Đơn vị: 1.000 đồng

STT	Chỉ tiêu	Dự toán được giao			Dự toán phân bổ		
		Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài	Tổng số	Vốn trong nước	Vốn nước ngoài
I	QUẢN LÝ HÀNH CHÍNH (LOẠI 340 - KHOẢN 341)	0	0		0	0	
	Giao tự chủ tài chính	0	0		0	0	
	Giao không tự chủ tài chính	0	0		0	0	
7	Cục THADS tỉnh Nam Định	-100.000	-100.000		-100.000	-100.000	
	Giao không tự chủ tài chính	-100.000	-100.000		-100.000	-100.000	
9	Cục THADS tỉnh Hải Dương	-142.000	-142.000		-142.000	-142.000	
	Giao không tự chủ tài chính	-142.000	-142.000		-142.000	-142.000	
25	Cục THADS tỉnh Bắc Giang	-71.000	-71.000		-71.000	-71.000	
	Giao không tự chủ tài chính	-71.000	-71.000		-71.000	-71.000	
28	Cục THADS tỉnh Ninh Bình	-27.000	-27.000		-27.000	-27.000	
	Giao không tự chủ tài chính	-27.000	-27.000		-27.000	-27.000	
31	Cục THADS tỉnh Hà Tĩnh	-30.000	-30.000		-30.000	-30.000	
	Giao không tự chủ tài chính	-30.000	-30.000		-30.000	-30.000	
34	Cục THADS tỉnh Thừa Thiên Huế	-35.000	-35.000		-35.000	-35.000	
	Giao không tự chủ tài chính	-35.000	-35.000		-35.000	-35.000	
35	Cục THADS tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu	400.000	400.000		400.000	400.000	
	Giao không tự chủ tài chính	400.000	400.000		400.000	400.000	
36	Cục THADS tỉnh Bình Thuận	212.000	212.000		212.000	212.000	
	Giao không tự chủ tài chính	212.000	212.000		212.000	212.000	
37	Cục THADS tỉnh Đồng Nai	500.000	500.000		500.000	500.000	
	Giao không tự chủ tài chính	500.000	500.000		500.000	500.000	
38	Cục THADS tỉnh Bình Dương	-255.000	-255.000		-255.000	-255.000	
	Giao không tự chủ tài chính	-255.000	-255.000		-255.000	-255.000	
49	Cục THADS tỉnh Cao Bằng	-33.000	-33.000		-33.000	-33.000	
	Giao không tự chủ tài chính	-33.000	-33.000		-33.000	-33.000	
55	Cục THADS tỉnh Hòa Bình	-63.000	-63.000		-63.000	-63.000	
	Giao không tự chủ tài chính	-63.000	-63.000		-63.000	-63.000	
57	Cục THADS tỉnh Điện Biên	-26.000	-26.000		-26.000	-26.000	
	Giao không tự chủ tài chính	-26.000	-26.000		-26.000	-26.000	
59	Cục THADS tỉnh Quảng Ninh	-109.000	-109.000		-109.000	-109.000	
	Giao không tự chủ tài chính	-109.000	-109.000		-109.000	-109.000	
61	Cục THADS tỉnh Gia Lai	-152.000	-152.000		-152.000	-152.000	
	Giao không tự chủ tài chính	-152.000	-152.000		-152.000	-152.000	
63	Cục THADS tỉnh Đắk Nông	-69.000	-69.000		-69.000	-69.000	
	Giao không tự chủ tài chính	-69.000	-69.000		-69.000	-69.000	